



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 86-25/QĐ ngày 11 tháng 10 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sài Gòn)

Ngành, nghề:	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Mã ngành, nghề:	6810101
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Đối tượng đào tạo:	Người học tốt nghiệp THPT trở lên hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	2 năm

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành là ngành học: Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về lịch sử, địa lý, văn hóa của Việt Nam. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có đủ kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ để làm các công việc như: Hướng dẫn viên du lịch nội địa, quốc tế, hướng dẫn viên tại điểm, thuyết minh viên tại các bảo tàng hoặc đảm nhận vai trò điều hành tại các doanh nghiệp du lịch, tư vấn dịch vụ và chăm sóc khách hàng tron lĩnh vực du lịch.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có chuyên môn, đáp ứng yêu cầu kinh tế xã hội của đất nước, có kỹ năng nghiệp vụ và kiến thức quản trị các bộ phận trong ngành dịch vụ du lịch và có khả năng học tập nâng cao trình độ phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên làm việc tại các doanh nghiệp du lịch trong các bộ phận như: hướng dẫn viên du lịch nội địa hoặc quốc tế, thiết kế chương trình du lịch, điều hành du lịch, lễ tân, hướng dẫn viên du lịch tại điểm và thuyết minh viên tại các bảo tàng hoặc quản lý các bộ phận chính trong đơn vị kinh doanh du lịch. Ngoài ra sinh viên có thể làm trong các doanh nghiệp nhà hàng, khách sạn và các cơ quan hành chính khác.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Biết các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị xã hội và luật pháp liên quan đến kinh doanh lữ hành và các hoạt động liên quan tới lĩnh vực lữ hành.
- Hiểu những kiến thức về địa lý du lịch, lịch sử, tâm lý và tuyến điểm trong du lịch, có khả năng lập kế hoạch và tổ chức được một chương trình sự kiện.
- Vận dụng những kiến thức đã học có thể lên một chương trình du lịch theo yêu cầu của khách du lịch. Có khả năng xử lý được những tình huống của một hướng dẫn viên du lịch từ lúc nhận tour cho đến kết thúc tour.
- Có kiến thức về các khái niệm và cách sử dụng hệ điều hành máy tính. Sử dụng được bộ phần mềm tin học văn phòng, đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam
- Hình thành thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, ý thức kỷ luật, đam mê và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, giải quyết được các công việc, các vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Hướng dẫn du lịch nội địa
- Hướng dẫn du lịch quốc tế.
- Hướng dẫn viên tại điểm (tại các khu du lịch và các bảo tàng)



- Điều hành tổ chức chương trình du lịch.
- Điều hành tổ chức kinh doanh du lịch.
- Thiết kế chương trình du lịch.
- Marketing và truyền thông về du lịch
- Kinh doanh du lịch và chăm sóc khách hàng.
- Ngoài ra, sau khi tốt nghiệp người học đảm nhận các vị trí: chuyên viên tổ chức sự kiện, chuyên viên chăm sóc khách hàng, làm việc trong hệ thống nhà hàng khách sạn, khu du lịch, văn phòng lữ hành....,

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2370 giờ, 83 tín chỉ
- Số lượng môn học, mô đun: 26
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435 giờ, 19 tín chỉ
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1935 giờ, 64 tín chỉ.
- Khối lượng lý thuyết: 607 giờ; thực hành, thực tập: 1763 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	
I	Năng lực cơ bản (Năng lực chung)	
1	NLCB-01	Chấp hành tốt các quy định về chính trị, pháp luật, chính sách của nhà nước. Nắm được tiến trình lịch sử Việt Nam không gây ảnh hưởng bí mật, lợi ích và an ninh quốc gia.
2	NLCB-02	Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, đáp ứng vào chuyên môn của ngành, nghề.
3	NLCB-03	Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định. Khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.
4	NLCB-04	Hình thành ý thức học tập, rèn luyện, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, hiểu được tâm lý khách hàng để phục vụ tốt nhất.
II	Năng lực cốt lõi (Năng lực chuyên môn)	
5	NLCL-01	Hiểu được lý luận cơ bản về giao tiếp, về tâm lý khách du lịch (tâm lý cá nhân và tâm lý nhóm người) về hành vi, nhu cầu, động cơ, thị hiếu, tâm trạng và những điểm đặc trưng trong tâm lý khách du lịch.
6	NLCL-02	Phân biệt được vai trò, ý nghĩa, đặc điểm của các loại tài nguyên du lịch, hệ thống phân vùng du lịch Việt Nam và các chiến lược phát triển, quảng bá du lịch quốc gia.
7	NLCL-03	Thuyết minh, trình bày, diễn giải những thông tin di tích lịch sử, những nét đặc trưng về bản sắc văn hóa, ngành nghề truyền thống của dân tộc Việt Nam.
8	NLCL-04	Vận dụng những kiến thức về hoạt náo, sự kiện để lên một chương trình trò chơi phù hợp theo nhu cầu của khách. Tổ chức được một số sự kiện trong du lịch
9	NLCL-05	Mô tả được các nhân tố ảnh hưởng đến kinh doanh du lịch và vai trò, tác động của du lịch đến các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường trong đời sống.
III	Năng lực nâng cao	
10	NLNC-01	Có khả năng xử lý những tình huống của một hướng dẫn viên du lịch từ lúc nhận tour cho đến kết thúc tour du lịch.
11	NLNC-02	Phân tích và tính toán được chi phí và giá cả cho một chương trình du lịch trọn gói, tạo ra các sản phẩm du lịch phù hợp với mong muốn của khách hàng.
12	NLNC-03	Vận dụng được các kiến thức tuyến điểm phù hợp vào nghiệp vụ hướng dẫn để thực hiện hiệu quả chương trình tour du lịch, thuyết minh trên tuyến và tại điểm tham quan.
13	NKNC-04	Vận dụng kiến thức về tâm lý trong du lịch tạo ra các sản phẩm du lịch phù hợp với mong muốn của khách, đáp ứng nhu cầu thị hiếu của khách hàng
14	NLNC-05	Nhận biết và phân biệt được các loại hình và sản phẩm du lịch của từng địa phương, vận dụng nghiệp vụ và phương pháp thiết kế một tour du lịch, loại hình du lịch và các sản phẩm du lịch đặc thù của từng địa phương.

6. Nội dung chương trình

STT	Mã môn học	Tên môn học tiếng Việt	Tín chỉ	Tổng giờ	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra	Ghi chú/ Môn tiên quyết
I. Các môn học chung								
1	POLI1322	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5	
2	PCLW1201	Pháp luật	2	30	18	10	2	
3	NDED1211	Giáo dục quốc phòng	3	75	36	35	4	
4	PHED1021	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4	
5	CAPP1121	Tin học	3	75	15	58	2	
6	ENFD1224	Tiếng Anh	4	120	42	72	6	
Tổng Môn học chung			19	435	157	255	23	
II. Các môn học chuyên môn								
II.1. Môn học cơ sở								
7	ENFD1225	Tiếng Anh tiên trung cấp	4	90	45	42	3	
8	TMFD1211	Nhập môn du lịch	3	75	30	42	3	
9	VNCT1213	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	60	15	42	3	
10	VNHT1212	Lịch sử Việt Nam	2	60	15	42	3	
11	TOLW1212	Tổng quan du lịch và luật du lịch	2	60	15	42	3	
12	TMPJ1022	Đồ án cơ sở	2	90	0	90	0	
Tổng Môn cơ sở			16	435	120	300	15	
II.2. Môn học chuyên môn								
13	ENFD1226	Tiếng Anh trung cấp	4	90	45	42	3	
14	TMIT2311	Tin học ứng dụng chuyên ngành	4	90	45	42	3	
15	TOGG2112	Địa lý du lịch	2	60	15	42	3	
16	ETSK2112	Hoạt náo du lịch	2	60	15	42	3	
17	EVMG1212	Tổ chức sự kiện	3	75	30	42	3	
18	PSCM2112	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	3	75	30	42	3	
19	TOGD1212	Nghiệp vụ hướng dẫn	3	75	30	42	3	
20	TMPJ2023	Đồ án chuyên ngành	2	90	0	90	0	
21	TMIT2041	Thực tập chuyên ngành	4	180	0	180	0	
Tổng Môn chuyên môn			27	795	210	564	21	
II.3 Môn học nâng cao								
22	TMEN2221	Tiếng Anh du lịch	4	120	30	87	3	
23	TODO2212	Thiết kế và điều hành tour	3	75	30	42	3	
24	VNDE2312	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	4	90	45	42	3	
25	TOMG2113	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	60	15	42	3	
26	TMCO2082	Thực tập tốt nghiệp	8	360	0	360	0	
Tổng Môn nâng cao			21	705	120	573	12	
Tổng Chương trình			83	2370	607	1692	71	

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1 Các môn học chung

Chương trình môn học chung Pháp luật, Chính trị, Giáo dục thể chất, Tin học, Tiếng Anh do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, được sử dụng để giảng dạy.

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh được tổ chức thực hiện, liên kết với Trường Quân sự Quân khu 7.

7.2 Các hoạt động ngoại khóa

Một năm học có 3 học kỳ. Thời gian học của mỗi học kỳ là 15 tuần bao gồm thời gian kiểm tra và thi. Giữa mỗi học kỳ có 2-3 tuần nghỉ. Thời gian nghỉ Tết là 5 tuần.

Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá, vào thời điểm thích hợp.

7.3 Hướng dẫn tổ chức kiểm tra kết thúc môn học

Căn cứ quy chế Tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp của Trường Cao đẳng Sài Gòn, thời gian tổ chức kiểm tra kết thúc môn học theo hướng dẫn cụ thể theo từng môn học và theo kế hoạch đào tạo của trường cụ thể cho từng học kỳ và từng năm học.

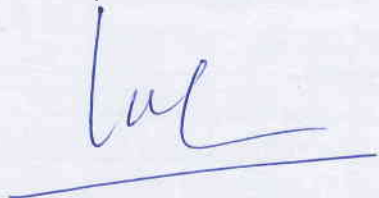
Hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá môn học được xác định cụ thể và có hướng dẫn trong đề cương môn học.

7.4 Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Sinh viên học hết chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề; tích lũy đủ số tín chỉ quy định và có điểm trung bình tích lũy từ 2.0/4.0 trở lên được công nhận tốt nghiệp.

Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG



Tôn Thất Tín

PHÓ TRƯỞNG KHOA



Mai Thị Nghi